

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2022
Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bảy.
2. Bà Trần Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Võ Xuân Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn C, sinh năm 1971.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970.

Cùng có địa chỉ: Thôn BA, xã SV, huyện Nông Sơn, Quảng Nam.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Phú C, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Là người đại diện theo ủy quyền lại.

Tại phiên tòa, anh Phan Văn C và chị Nguyễn Thị L có mặt; ông Trần Phú C vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trình bày:

1. Nguyên đơn anh Phan Văn C trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn C và chị Nguyễn Thị L chung sống vợ chồng, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2001 tại UBND xã Quế Lộc, huyện Nông Sơn. Trong quá trình chung sống, anh C và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân vợ chồng không hòa hợp, chị L không quan tâm đến anh C, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 11 năm 2021 đến nay anh C và chị L không còn chung sống với nhau. Nay anh C thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng anh C và chị L hiện có 02 con chung là Phan Văn Hiệu, sinh ngày 28/11/2001 và Phan Thảo N, sinh ngày 09/10/2008. Cháu Hiệu hiện nay đã trưởng thành nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết; quá trình hòa giải và tại phiên tòa, anh C đề nghị để chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi cháu Phan Thảo N đến khi thành niên, anh C không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Khi khởi kiện, anh C yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất ở nông thôn có diện tích 153.5 m², đất do anh Phan Văn C và chị Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất có giá trị là 100.000.000 đồng.

- 01 ngôi nhà cấp bốn, gồm nhà trên diện tích 60 m² tường xây, mái lợp ngói, nền xi măng và nhà dưới diện tích 40 m², tường xây chưa tô, mái lợp tôn, nền xi măng. Căn nhà có giá trị là 100.000.000 đồng.

- 04 con bò mẹ, giá trị mỗi con bò là 15.000.000 đồng. Tổng giá trị bốn con bò là 60.000.000 đồng.

- 02 con bò choai, giá trị mỗi con bò là 12.500.000 đồng. Tổng giá trị hai con bò là 25.000.000 đồng.

- 01 cái tủ lạnh mua vào năm 2021 giá trị hiện tại còn lại là 6.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh C có đơn xin rút toàn bộ nội dung yêu cầu phân chia tài sản nói trên. Tại phiên tòa, anh C giữ nguyên nội dung đơn và không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng anh C và chị L.

Về nợ chung: Anh C và chị L có nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn số tiền gốc là 40.000.000 đồng theo hồ sơ vay vốn như đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn cung cấp. Tại phiên tòa, anh C thống nhất với đề nghị tại đơn trình bày ngày 05/5/2022 của ông Trần Phú C về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia khoản nợ trên của vợ chồng anh trong vụ án này mà để gia đình được tiếp tục thực hiện hợp đồng vay đã ký cho đến khi hết hạn vay, trường hợp có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án riêng.

2. Bị đơn Nguyễn Thị L thống nhất với lời trình bày của anh Phan Văn C về

quá trình kết hôn, chung sống, có con chung và những mâu thuẫn hiện hay của vợ chồng. Nay anh C kiên quyết ly hôn, chị L thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không tự giải quyết được, vợ chồng không còn sống chung với nhau, tình cảm không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Về con chung, chị L thống nhất với đề nghị của anh C về việc chị L được trực tiếp nuôi cháu Phan Thảo N đến khi thành niên. Về cấp dưỡng cho con, chị L đề nghị anh C cấp dưỡng cho con số tiền 1.000.000 đồng/tháng để chị nuôi cháu Phan Thảo N đến khi thành niên.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L thống nhất với ý kiến của anh Phan Văn C tại phiên tòa và ý kiến ông Trần Phú C tại đơn trình bày vào ngày 05/5/2022 nộp cho Tòa án được công bố tại phiên tòa về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia khoản nợ đối với Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn của vợ chồng anh C, chị L trong vụ án này mà để gia đình được tiếp tục thực hiện hợp đồng vay đã ký cho đến khi hết hạn vay, trường hợp có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án riêng.

3. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Phú C là người đại theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, trình bày: Ngày 19/12/2018, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn có giải quyết cho hộ gia đình anh Phan Văn C vay số tiền 50.000.000 đồng theo hồ sơ vay vốn có mã khách hàng số 3300171621, thời hạn vay 60 tháng và ngày đến trả nợ cuối cùng là 19/12/2023, lãi suất 6,6%/năm. Đến nay, gia đình anh C, chị L đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc và tính đến ngày 05/5/2022, tổng số tiền hộ gia đình anh C còn nợ là 40.100.000 đồng, gồm: Nợ gốc: 40.000.000 đồng, nợ lãi: 100.000 đồng. Tại đơn trình bày ngày 05/5/2022, ông C thống nhất để gia đình anh C được tiếp tục thực hiện hợp đồng vay đến khi hết hạn vay theo hợp đồng, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết phân chia khoản nợ vay trong vụ án này. Ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Do nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết quan hệ hôn nhân và con chung và việc thỏa thuận đó là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con nên đề nghị HĐXX công nhận. Về cấp dưỡng, đề nghị HĐXX xem xét, buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, xét thấy đại diện ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản vay của chị L

và anh C đối với Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Nông Sơn mà để các đương sự được tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký và được các bên đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Phan Văn C khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn với chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970, trú tại thôn BA, xã SV, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Khi ly hôn, anh C yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn với chị Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh C tự nguyện rút phần yêu cầu đối với việc phân chia tài sản chung của vợ chồng anh C và chị L. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tranh chấp cần xem xét, giải quyết trong vụ án này là “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt ông Trần Phú C, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, ông C đã có bản tự khai, bản tự trình bày, ông C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Phú C là phù hợp.

[2]. Về Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phan Văn C và chị Nguyễn Thị L chung sống vợ chồng hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; có đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2001 tại UBND xã Quế Lộc, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; việc kết hôn của anh C và chị L không vi phạm điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân của họ được xác định là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh C và chị L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau và không qua tâm đến nhau, hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng anh C và chị L có nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được; cả hai đều vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh C và chị L tự nguyện ly hôn, việc tự nguyện ly hôn của họ không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận để anh C được ly hôn với chị L.

[2.2] Về con chung:

- Về người trực tiếp nuôi con: Xét thấy việc thỏa thuận của chị L và anh C về việc chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi cháu Phan Thảo N, sinh ngày 09/10/2008 cho đến khi thành niên là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Thảo N được thể hiện tại lời khai của cháu trong quá trình giải quyết vụ án; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cháu nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận đó.

- Về cấp dưỡng cho con:

Về quyền yêu cầu cấp dưỡng: Anh Phan Văn C không trực tiếp mà đồng ý để chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Thảo N cho đến khi cháu thành niên. Do đó, khi trực tiếp nuôi con, chị L có yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng cho con phải phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con và khả năng cấp dưỡng thực tế của người cấp dưỡng là anh Phan Văn C.

Xét nhu cầu thiết yếu của cháu Phan Thảo N thì thấy rằng: Cháu N đang trong giai đoạn phát triển, hoàn thiện về thể chất, tâm thần; có các nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám chữa bệnh và các nhu cầu sinh hoạt thông thường khác phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương. Điều đó làm phát sinh chi phí và cần được cấp dưỡng để đảm bảo một phần các nhu cầu thiết yếu của cháu.

Xét khả năng cấp dưỡng thực tế của anh Phan Văn C thì thấy: Anh Phan Văn C làm nông nghiệp tại xã SV, huyện Nông Sơn và thỉnh thoảng có làm nghề lao động tự do. Tuy không ổn định nhưng vẫn được xác định là lao động có thu nhập và anh C có khả năng cấp dưỡng cho con trên thực tế. Với mức thu nhập không ổn định, anh C phải có nghĩa vụ trích một phần thu nhập để cấp dưỡng cho con, phần còn lại để duy trì cuộc sống, khả năng lao động và đảm bảo các nhu cầu thiết yếu khác của anh C là phù hợp.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh Phan Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phan Thảo N với số tiền ít hơn mức cấp dưỡng mà chị Nguyễn Thị L yêu cầu là phù hợp với các quy định pháp luật về cấp dưỡng; phù hợp với khả năng cấp dưỡng thực tế của anh C nhằm đáp ứng một phần chi phí cho nhu cầu thiết yếu của cháu Phan Thảo N, để cùng với sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị L, tạo sự phát triển, hoàn thiện tốt hơn về thể chất, tinh thần của cháu.

[2.3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút phần yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng; bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu phân chia tài sản chung của nguyên đơn là tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu được rút đó.

[2.4] Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết khoản nợ vay theo hồ sơ vay vốn ký ngày 19/12/2018 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam với vợ chồng anh C, chị L; anh C và chị L thống nhất với đề nghị đó. Xét thấy việc rút lại yêu cầu giải quyết nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng anh C, chị L của các đương sự là tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp các bên có tranh chấp thì được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác, nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 244, 264, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn C về việc yêu cầu phân chia tài sản chung của anh C và chị L.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Phan Văn C và chị Nguyễn Thị L. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

Về người trực tiếp nuôi con: Chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Thảo N, sinh ngày 09/10/2008 cho đến khi cháu N thành niên.

Về cấp dưỡng cho con: Anh Phan Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con để chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Thảo N đến khi thành niên; mức cấp dưỡng 750.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phan Thảo N thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền cấp dưỡng nói trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tòa án có thể xem xét, quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, nếu có yêu cầu.

3. Về án phí: Anh Phan Văn C chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng. Tổng số tiền án phí anh Chánh phải chịu là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng y), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Chánh đã nộp là 3.438.000 đồng; hoàn lại cho anh Chánh số tiền nộp thừa là 2.838.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003039 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (*để thi hành*);
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Phúc